

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

Ngày 01 tháng 12, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	PLP	28/11/2025	7.31	1.446.200	200.690	7.21
2	RYG	28/11/2025	10.9	1.500.700	246.903	06.08
3	VPL	28/11/2025	95	2.093.900	352.927	5.93
4	TVN	28/11/2025	7.7	1.034.500	255.850	04.04
5	TNI	28/11/2025	5.57	679.700	207.187	3.28
6	VNP	28/11/2025	21.5	718.700	223.027	3.22
7	MSB	28/11/2025	13.15	23.116.700	7.412.860	3.12
8	MSR	28/11/2025	26	4.671.100	1.545.313	03.02
9	PVT	28/11/2025	18.85	8.734.000	3.238.677	2.7
10	VNM	28/11/2025	64	11.898.300	4.731.360	2.51
11	MST	28/11/2025	6.3	6.153.800	2.623.167	2.35
12	C69	28/11/2025	14.1	1.244.000	547.107	2.27
13	CDC	28/11/2025	27.3	958.800	456.163	2.1
14	NAF	28/11/2025	32.25	1.096.200	541.810	02.02
15	PAC	28/11/2025	24	788.700	391.207	02.02
16	GEE	28/11/2025	197	1.127.300	563.170	2
17	MSH	28/11/2025	36.09	1.062.200	542.290	1.96
18	VPI	28/11/2025	55.8	4.149.100	2.147.430	1.93
19	FIT	28/11/2025	4.78	1.299.000	727.330	1.79
20	CSM	28/11/2025	13.2	700.500	411.223	1.7
21	POW	28/11/2025	15.25	12.370.000	7.596.097	1.63
22	GAS	28/11/2025	63.4	1.243.100	771.613	1.61
23	HHP	28/11/2025	12	1.933.900	1.229.417	1.57
24	TAL	28/11/2025	46	597.400	391.827	1.52
25	HAG	28/11/2025	17.4	23.574.200	16.216.877	1.45
26	CRC	28/11/2025	9.65	1308500	940493	1.39
27	VSC	28/11/2025	22	14751500	10685020	1.38
28	HID	28/11/2025	7.78	1615000	1174593	1.37
29	DPR	28/11/2025	38.95	827300	637687	1.3



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAV	28/11/2025	6.9	596.640	63.28	6.7	2.97	0.14	0.07
2	CRC	28/11/2025	9.65	1.055.480	58.36	9.5	6.62	-0.25	0.36
3	CTD	28/11/2025	84.47	518.280	45.1	82.56	2.31	0.18	0.74
4	DPR	28/11/2025	38.95	711.600	55.99	38.74	0.54	0.12	-0.5
5	DRI	28/11/2025	13	710.910	62.31	12.38	4.97	0.12	-0.1
6	GAS	28/11/2025	63.4	680.900	59.9	61.7	2.75	0.1	-0.06
7	IDC	28/11/2025	40.3	2.601.450	53.19	39.79	1.29	0.18	-1.08
8	NVL	28/11/2025	14.8	17.063.380	51.17	13.87	6.72	-0.34	1.62
9	PC1	28/11/2025	21.7	1.431.750	51.39	20.74	4.64	-0.12	0.04
10	PVS	28/11/2025	32.2	3.966.510	57.1	30.12	6.91	0.04	-0.36
11	PVT	28/11/2025	18.85	4.386.280	59.53	17.95	5	0.09	-0.35
12	TNG	28/11/2025	19.3	965.340	51.64	18.81	2.58	0.05	-0.38
13	VGT	28/11/2025	12.7	919.300	56.24	12.08	5.1	0.07	-0.04
14	VHC	28/11/2025	57.6	1.451.940	50.11	56.65	1.67	0.39	-1.18
15	VIB	28/11/2025	18.5	4.788.080	44.81	17.94	3.14	-0.36	0.16
16	VPI	28/11/2025	55.8	2.489.790	53	54.93	1.59	-0.13	-0.62
17	VSC	28/11/2025	22	9.723.370	43.67	20.68	6.37	-1.24	01.04



Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	DCL	38.6	38.75	832.890
2	HID	7.78	8.25	1568380
3	PLP	7.31	7.31	432.720
4	PVD	26.7	27.3	7.936.160
5	VIC	260.4	262.8	3187100
6	VNM	64	64.5	5.538.380
7	VNP	21.5	21.5	216.690

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	VPL	95	89.5	511.340

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BGE	4.5	4.4	686.430
2	BMC	15.95	15.5	30.510
3	BTP	9.63	9	82.960
4	DDG	1.5	1.5	290.120
5	GKM	2.3	2.2	635.380
6	KSF	73.5	73.5	25.760
7	PCH	19	18.9	99.330
8	TCO	9.41	9.3	170.670

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	BIC	22.25	22.15	195.680
2	BMC	15.95	15.5	30.510
3	BSI	39.65	39.5	496.910
4	BTP	9.63	9	82.960
5	CSM	13.2	12.95	441.520
6	HBS	5.2	5.2	277.120
7	KHS	16.4	15.7	14.770
8	KSF	73.5	73.5	25.760
9	KSV	133.4	133.4	75.340
10	PCH	19	18.09	99.330
11	TCO	9.41	9.3	170.670
12	VAF	17.1	16.7	10.880
13	VBB	10.5	10	46.670
14	VCB	57.4	57.4	2.915.200
15	VCP	25.4	25.31	13.140
16	VMD	16.2	15.7	36.980



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	IDC	40.3	39.79	2.601.450
2	TTF	3.1	2.91	652.380

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AAH	3.7	3.67	619.610
2	DIG	20.65	20.44	10.317.460
3	GMD	64	63.75	947020
4	HHV	14.25	13.98	4.636.340
5	IDC	40.3	39.99	2.601.450
7	HHV	14	14.01	4512080

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	CDC	27.3	26.89	534.310
2	TTF	3.1	2.94	652.380



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	HHS	14.1	14.23	1.754.260
2	HVN	28.9	29.28	725.240

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	CTD	84.47	85.89	518.280
2	DGC	94.3	94.4	2.165.270
3	FPT	96.13	96.32	5616300
4	GVR	27.03	27.49	2.417.160
5	HDG	31.75	32.03	2.694.610
6	OGC	3.95	3.99	833.040
7	SBT	25	25.08	786.760

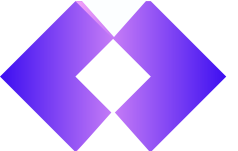
Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	DPG	43.6	43.87	608.630
2	HHP	12	12.14	1.176.360
3	HNG	5.7	5.85	2481580
4	HPG	26.55	26.82	26.198.620
5	MBB	23.25	23.43	17.853.000
7	OCB	12.3	12.31	2333280
8	PC1	21.7	21.73	1431750
9	VC3	27.4	27.64	990730
10	VGS	28.1	28.54	641760
11	VIB	18.5	18.54	4788080



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	ODE	28/11/2025	46.1	45.3	46.5	2.6	18.800
2	DSN	28/11/2025	44.1	42.95	45.1	5	5.260
3	RAL	28/11/2025	92.8	90.5	95.4	5.4	3.660
4	SJD	28/11/2025	14.1	13.9	14.76	6.2	38.460
5	TCL	28/11/2025	34.3	33.3	35.4	6.3	14.020
6	FOC	28/11/2025	64.4	63.5	67.5	6.3	10.320
7	SGN	28/11/2025	60.4	60.3	64.19	6.5	8.940
8	VCP	28/11/2025	25.4	25.31	27	6.7	8.440
9	QTP	28/11/2025	12.9	12.7	13.6	7.1	110.680
10	CHP	28/11/2025	31.8	31.5	33.75	7.1	36.260
11	GDT	28/11/2025	20.7	20	21.5	7.5	13.600
12	HTG	28/11/2025	46.85	44.2	47.7	7.9	17.260
13	DVP	28/11/2025	68	67.9	73.4	8.1	23.800
14	MCF	28/11/2025	7.5	7.4	8	8.1	8.320
15	SCG	28/11/2025	66.1	62.1	67.2	8.2	27.040
16	VNS	28/11/2025	9.11	8.99	9.73	8.2	12.340
17	PVP	28/11/2025	14.55	13.56	14.68	8.3	165.900
18	DBD	28/11/2025	50.8	50.2	54.5	8.6	19.060
19	ITD	28/11/2025	13.6	12.8	13.9	8.6	17.620
20	HNM	28/11/2025	8.1	7.9	8.6	8.9	323.260
21	HMC	28/11/2025	11.7	11.2	12.2	8.9	18260
22	SKV	28/11/2025	27	27	29.4	8.9	6200
23	TCW	28/11/2025	32	30.4	33.1	8.9	6100
24	SHI	28/11/2025	14.6	13.75	15	9.1	498040
25	TVD	28/11/2025	10.3	9.9	10.8	9.1	42660
26	PPH	28/11/2025	27.3	25.99	28.37	9.2	23640
27	SAB	28/11/2025	46.4	44	48.15	9.4	471200
28	TDT	28/11/2025	6.5	6.4	7	9.4	19300
29	PGC	28/11/2025	13.05	12.75	13.95	9.4	14900



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009